

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 21 tháng 05 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA

I. Thông tin chung về nhiệm vụ:

1. Tên nhiệm vụ, mã số: Nghiên cứu khai thác và phát triển nguồn gen cá gáy biển (*Lethrinus lentjan* Lacepede, 1802)

Mã số: NVQG-2022/ĐT.22

Thuộc:

- Chương trình (*tên, mã số chương trình*): Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, mã số NVQG – 2022/ĐT.22.

- Khác (*ghi cụ thể*):

2. Mục tiêu nhiệm vụ:

Mục tiêu chung:

Xây dựng được quy trình sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá gáy biển *Lethrinus lentjan* (Lacepede, 1802) nhằm khai thác sử dụng nguồn gen phục vụ phát triển nuôi biển.

Mục tiêu cụ thể:

- Xây dựng được quy trình công nghệ sản xuất giống nguồn gen cá gáy biển đạt chỉ tiêu kỹ thuật: tỷ lệ thành thực > 80%, tỷ lệ cá đẻ > 80%, tỷ lệ thụ tinh > 90% và tỷ lệ nở > 90%; ương từ cá bột lên cá hương cỡ ≥ 2 cm có tỷ lệ sống $\geq 3\%$, từ cá hương lên cá giống (≥ 5 cm) có tỷ lệ sống > 70%;

- Xây dựng được quy trình công nghệ nuôi thương phẩm nguồn gen cá gáy biển trong lồng có chỉ tiêu kỹ thuật: tỷ lệ sống > 80%; khối lượng cá thu hoạch > 0,8 kg/con; năng suất ≥ 8 kg/m³/vụ nuôi, hệ số thức ăn (FCR) ≤ 2 ;

- Xây dựng được bộ tiêu chuẩn cơ sở cá gáy biển bố mẹ và cá giống;

- Tạo được cá bố mẹ: 200 con có khả năng tham gia sinh sản (≥ 2 kg/con);

- Tạo được cá hậu bị: 500 con ($\geq 1,0$ kg/con);

- Sản xuất được cá giống 50.000 con (≥ 5 cm/con cá khỏe mạnh, sạch bệnh);

- Xây dựng được 01 mô hình sản xuất giống nguồn gen cá gáy biển: quy mô 20.000 cá giống/năm (≥ 5 cm/con);
- Xây dựng được 01 mô hình nuôi thương phẩm trong lồng: quy mô 300 m³ lồng, cỡ cá thương phẩm $\geq 0,8$ kg/con/vụ nuôi; Sản lượng 2,5 tấn ($\geq 0,8$ kg/con); đạt tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm;

3. Chủ nhiệm nhiệm vụ: TS. Nguyễn Văn Dũng

4. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ: Viện Khoa học thủy sản Việt Nam

5. Tổng kinh phí thực hiện: 5.810 triệu đồng.

Trong đó, kinh phí từ ngân sách SNKH: 4.560 triệu đồng.

Kinh phí từ nguồn khác: 1.250 triệu đồng.

6. Thời gian thực hiện theo Hợp đồng:

Bắt đầu: 12/2022

Kết thúc: 12/2025

7. Danh sách thành viên chính thực hiện nhiệm vụ nêu trên gồm:

Số TT	Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Cơ quan công tác
1	TS. Nguyễn Văn Dũng	Nghiên cứu viên chính, Tiến sĩ	Viện KHTS Việt Nam
2	TS. Trương Hà Phương	Nghiên cứu viên cao cấp, Tiến sĩ	Viện KHTS Việt Nam
3	TS. Nguyễn Văn Hùng	Nghiên cứu viên chính, Tiến sĩ	Viện KHTS Việt Nam
4	TS. Nguyễn Đình Quang Duy	Nghiên cứu viên chính, Tiến sĩ	Viện KHTS Việt Nam
5	ThS Phạm Trường Giang	Nghiên cứu viên, Thạc sĩ	Viện KHTS Việt Nam
6	ThS. Phạm Việt Nam	Nghiên cứu viên, Thạc sĩ	Viện KHTS Việt Nam
7	ThS. Lê Thị Thu Hương	Nghiên cứu viên, Thạc sĩ	Viện KHTS Việt Nam
8	KS. Dương Văn Sang	Nghiên cứu viên, Kỹ sư	Viện KHTS Việt Nam
9	KS. Nguyễn Thị Thanh Hoa	Nghiên cứu viên, Kỹ sư	Viện KHTS Việt Nam

II. Nội dung tự đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

1. Về sản phẩm khoa học:

1.1. Danh mục sản phẩm đã hoàn thành:

Số TT	Tên sản phẩm	Số lượng			Khối lượng			Chất lượng		
		Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt
1	Cá gáy bố mẹ (có khả năng tham gia sinh sản)		√			√			√	
2	Cá gáy hậu bị		√			√			√	
3	Cá gáy giống (khỏe mạnh, sạch bệnh)		√			√			√	
4	Cá gáy thương phẩm (an toàn vệ sinh thực phẩm)			√			√			√
5	Mô hình sản xuất giống cá gáy biển		√			√			√	
6	Mô hình nuôi thương phẩm trong lồng cá gáy biển			√			√			√
7	Quy trình công nghệ		√			√			√	

	sản xuất giống cá gáy biển								
8	Quy trình công nghệ nuôi thương phẩm cá gáy biển trong lồng		√			√			√
9	Tiêu chuẩn cơ sở cho cá gáy biển bố mẹ và cá giống		√			√			√
10	Bài báo khoa học liên quan đến nội dung nghiên cứu của đề tài		√			√			√
11	Báo cáo tổng kết đề tài		√			√			√

1.2. Danh mục sản phẩm khoa học dự kiến ứng dụng, chuyển giao (nếu có):

Số TT	Tên sản phẩm	Thời gian dự kiến ứng dụng	Cơ quan dự kiến ứng dụng	Ghi chú
1				
2				
...				

1.3. Danh mục sản phẩm khoa học đã được ứng dụng (nếu có):

Số	Tên sản phẩm	Thời gian ứng	Tên cơ quan ứng	Ghi chú
----	--------------	---------------	-----------------	---------

TT		dụng	dụng	
1				
2				
...				

2. Về những đóng góp mới của nhiệm vụ:

- Công nghệ sản xuất giống cá gáy ở Việt Nam hiện tại chưa ổn định, số lượng con giống sản xuất ra không đáp ứng được nhu cầu nuôi thương phẩm. Kết quả của đề tài cung cấp đầy đủ các chỉ tiêu kỹ thuật về nâng cao chất lượng cá bố mẹ thông qua các chỉ tiêu về tỷ lệ thành thực, chất lượng trứng, tỷ lệ thụ tinh và tỷ lệ nở;

- Quy trình ương nuôi cá giống tập trung về các kỹ thuật phát triển thức ăn phù hợp cho từng giai đoạn phát triển của cá giống, kiểm soát môi trường bổ sung khoáng trong nước, tăng cường hệ vi khuẩn có lợi. Trên cơ sở đó, đề tài sẽ tạo ra được quy trình sản xuất giống cá ổn định tỷ lệ sống khi ương lên cá hương, cá giống ổn định chất lượng cao, chủ động được công nghệ và tạo ra con giống tốt, khỏe mạnh cung cấp cho các cơ sở nuôi thương phẩm, góp phần phát triển bền vững nghề nuôi cá biển và đa dạng hóa đối tượng nuôi trong nuôi trồng thủy sản.

- Đưa ra được tiêu chuẩn cơ sở cá gáy bố mẹ và cá gáy giống đầu tiên tại Việt Nam.

- Đưa ra được dự thảo quy trình công nghệ sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá gáy biển.

3. Về hiệu quả của nhiệm vụ:

Kết quả của đề tài góp phần phát triển công nghệ sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá gáy biển tại Việt Nam. Tạo ra nghề nuôi mới, làm đa dạng hóa các đối tượng nuôi, góp phần tăng thu nhập, tạo ra nhiều việc làm và góp phần xóa đói giảm nghèo cho người dân vùng duyên hải, đặc biệt là người dân ở những vùng hải đảo ở Việt Nam.

III. Tự đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Về tiến độ thực hiện: (đánh dấu \checkmark vào ô tương ứng):

- Nộp hồ sơ đúng hạn
- Nộp chậm từ trên 30 ngày đến 06 tháng
- Nộp hồ sơ chậm trên 06 tháng

2. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

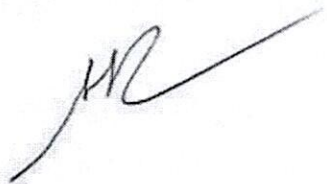
- Xuất sắc
- Đạt
- Không đạt

(Theo biên bản đánh giá kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ).

Giải thích lý do:.....

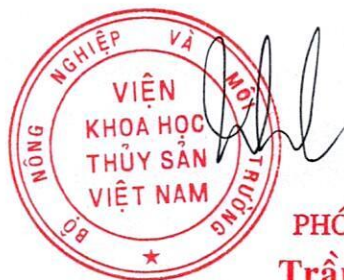
Cam đoan nội dung của Báo cáo là trung thực; Chủ nhiệm và các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ không sử dụng kết quả nghiên cứu của người khác trái với quy định của pháp luật.

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ
(Họ, tên và chữ ký)



Nguyễn Văn Dũng

THỦ TRƯỞNG
TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)



PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Thế Mưu